

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại Việt Nam.

Các nội dung về cơ chế quản lý tài chính không được quy định tại Nghị định này thực hiện theo quy định chung về cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số, bao gồm:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên xổ số kiến thiết các tỉnh, thành phố;

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Xổ số điện toán Việt Nam (sau đây gọi tắt là Vietlott) và các công ty con do Vietlott sở hữu 100% vốn.

2. Cơ quan chủ sở hữu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

3. Tổ chức và cá nhân khác có liên quan đến cơ chế quản lý tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Chương II

DOANH THU, CHI PHÍ, LỢI NHUẬN, ĐẦU TƯ VỐN, BÁO CÁO

Điều 3. Doanh thu

1. Doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được phép kinh doanh, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác, doanh thu từ hoạt động tài chính theo quy định của pháp luật và thu nhập khác.

2. Đối với giải thưởng tích lũy của các sản phẩm xổ số điện toán nếu hết thời hạn lĩnh thưởng mà người trúng thưởng không đến lĩnh thưởng thì doanh nghiệp kinh doanh xổ số được phép kinh doanh xổ số điện toán hạch toán vào thu nhập khác của doanh nghiệp.

Điều 4. Chi phí

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí sau:

1. Chi phí trả thưởng

a) Chi phí trả thưởng đối với loại hình xổ số truyền thống, xổ số lô tô thủ công và xổ số biết kết quả ngay là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật.

b) Chi phí trả thưởng đối với loại hình xổ số điện toán là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng và giá trị của các giải thưởng tích lũy chưa trúng thưởng được chuyển sang kỳ quay số mở thưởng tiếp theo được quy định cụ thể tại Thẻ lệ tham gia dự thưởng theo quy định của pháp luật về xổ số.

2. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số

a) Chi hoa hồng đại lý là khoản tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị vé số đã bán. Bộ Tài chính quy định tỷ lệ tối đa chi hoa hồng đại lý trong từng thời kỳ.

b) Tỷ lệ chi hoa hồng đại lý phải quy định cụ thể tại hợp đồng đại lý xổ số được ký giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đại lý xổ số.

c) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ kinh tế ghi tại hợp đồng đại lý ký với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

đ) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số trước khi thanh toán tiền cho đại lý xổ số theo quy định của pháp luật thuế.

3. Chi phí ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng

a) Chi phí ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng là khoản tiền mà doanh nghiệp kinh doanh xổ số trả cho đại lý xổ số được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị trả thưởng đại lý đã thanh toán cho khách hàng, được quy định tại hợp đồng đại lý.

b) Tỷ lệ chi tối đa và hồ sơ thực hiện chi trả chi phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số do Bộ Tài chính quy định.

c) Đại lý xổ số được ủy quyền trả thưởng không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

4. Chi phí quay số mở thưởng và chi cho công tác giám sát của Hội đồng giám sát xổ số

a) Chi phí quay số mở thưởng gồm chi phí thuê hội trường và các khoản chi phí khác mua hoặc thuê ngoài phục vụ cho công tác quay số mở thưởng. Việc xác định chi phí cụ thể được quy định tại Quy chế hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực.

b) Chi thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số do Sở Tài chính trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trên cơ sở đề xuất của doanh nghiệp kinh doanh xổ số. Mức thù lao được xác định theo nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với thời gian về nội dung công việc thực hiện, nâng cao trách nhiệm của các thành viên trong việc thực thi nhiệm vụ giám sát.

5. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm giả vé xổ số

a) Nguyên tắc chi:

- Hỗ trợ trực tiếp cho cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan tại địa phương hoặc trên địa bàn tổ chức hoạt động kinh doanh để thực hiện công tác điều tra, khám phá, thụ lý các vụ án số đề, làm giả vé xổ số.

- Phù hợp với khả năng tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

- Có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ theo quy định pháp luật.

- Căn cứ chi là các bản sao bản án của Tòa án nhân dân, quyết định khởi tố vụ án hoặc quyết định xử phạt vi phạm hành chính và biên lai nộp tiền phạt.

- Cơ quan Công an và các cơ quan có liên quan có trách nhiệm phân phối tiền hỗ trợ cho các đơn vị, cá nhân có thành tích một cách công khai, minh bạch tùy thuộc vào tính chất phức tạp của vụ án, số lượng người, đơn vị tham gia và thời gian điều tra vụ án.

b) Mức chi hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm giả vé xổ số do Bộ Tài chính quy định.

c) Căn cứ vào điều kiện thực tế và mức chi hỗ trợ theo quy định tại khoản này, doanh nghiệp kinh doanh xổ số trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt nội dung và mức chi hỗ trợ cụ thể, đảm bảo các khoản chi hỗ trợ đúng đối tượng, định mức.

6. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng

a) Đối tượng trích lập:

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được phép trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng đối với sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

b) Điều kiện trích lập:

Tại thời điểm trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số:

- Có tỷ lệ trả thưởng thực tế lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.

Tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ được xác định:

$$\text{Tỷ lệ trả thưởng thực tế} = \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh}} \times 100\%$$

- Không bị lỗ;

- Tỷ lệ tiêu thụ vé xổ số nhỏ hơn 80% số lượng phát hành.

c) Mức trích lập của từng sản phẩm xổ số được xác định như sau:

Dự phòng rủi ro trả thưởng	Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập	Tỷ lệ trả thưởng kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định đối với từng loại hình xổ số	Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập thuộc trách nhiệm chi trả của doanh nghiệp.
----------------------------	--	---	---

d) Tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng của doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại thời điểm trích lập tối đa không được vượt quá 2% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số ở khu vực miền Nam, 10% đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số còn lại (bao gồm các công ty con của Vietlot).

đ) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả

thường thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định tại điểm d khoản này thì phải hoàn nhập vào thu nhập khác.

e) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện trích lập quỹ dự phòng rủi ro tại thời điểm ngày 31/12 hàng năm.

g) Doanh nghiệp kinh doanh xổ số căn cứ nhu cầu sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để xác định mức trích và số dư cụ thể của quỹ tối đa không vượt quá mức quy định tại Nghị định

7. Chi phí về vé xổ số

a) Chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có) hoặc chi đóng góp chi phí in vé xổ số chung theo quy định của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và cơ sở in.

b) Chi phí in tờ lựa chọn số dự thưởng, mua giấy in, mực in và chi phí khác liên quan đến vé xổ số tự chọn số điện toán theo giá thanh toán thực tế trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa doanh nghiệp kinh doanh xổ số và đơn vị cung cấp.

c) Trường hợp doanh nghiệp kinh doanh xổ số tự in vé xổ số, chi phí in vé xổ số là các khoản chi hợp lý, hợp lệ thực tế phát sinh và được hạch toán vào chi phí chung của doanh nghiệp.

8. Chi phí thông tin vé xổ số, quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng

a) Chi phí thông tin vé xổ số, quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng là các khoản chi phí để đưa thông tin quay số mở thưởng và kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý xổ số.

b) Căn cứ chi là hợp đồng kinh tế, hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo chế độ quy định của pháp luật về thuế.

9. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết

a) Mức chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết do Bộ Tài chính quy định.

b) Các khoản chi phải có chứng từ hợp lý, hợp lệ. Trường hợp do Hội đồng xổ số kiến thiết quản lý chi tiêu, Hội đồng phải thống nhất thông qua định mức chi. Chủ tịch Hội đồng xổ số kiến thiết chịu trách nhiệm về tính hợp pháp, hợp lệ của các khoản chi. Hết năm tài chính phải quyết toán để công khai trong Hội đồng xổ số kiến thiết. Sau khi quyết toán, nếu thừa thì được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng theo đúng các mục đích đã quy định.

Điều 5. Thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước của Vietlott

1. Việc xác định doanh thu thực tế từ hoạt động kinh doanh các sản phẩm xổ số điện toán của Vietlott tại địa bàn từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được thực hiện như sau:

a) Đối với phương thức phân phối vé xổ số điện toán thông qua thiết bị máy đầu cuối: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh xổ số điện toán phát sinh từ các máy đầu cuối đăng ký bán vé xổ số điện toán trong địa giới hành chính từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo hợp đồng đại lý xổ số đã ký với Vietlott hoặc các cửa hàng, điểm bán vé do doanh nghiệp thiết lập trên địa bàn.

b) Đối với phương thức phân phối vé xổ số điện toán thông qua điện thoại và internet: Doanh thu được xác định theo địa điểm khách hàng đăng ký địa bàn tham gia dự thưởng khi mở tài khoản dự thưởng theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số điện toán.

2. Vietlott có trách nhiệm thực hiện theo quy định sau:

a) Kê khai, quyết toán các khoản thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt thuế thu nhập doanh nghiệp và thực hiện phân bổ các khoản thuế phải nộp vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật thuế và quản lý thuế.

b) Khấu trừ, kê khai và quyết toán khoản thuế thu nhập cá nhân phải nộp tại trụ sở chính, Vietlott thực hiện phân bổ thuế thu nhập cá nhân phải nộp vào ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật, cụ thể như sau: Thuế thu nhập cá nhân đối với hoa hồng trả cho đại lý xổ số điện toán, thực hiện phân bổ theo từng địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đại lý xổ số điện toán phát sinh thu nhập chịu thuế; thuế thu nhập cá nhân đối với người trúng thưởng, thực hiện phân bổ theo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi cá nhân đăng ký tham gia dự thưởng đối với phương thức phân phối thông qua phương tiện điện thoại hoặc internet và nơi phát hành vé xổ số điện toán đối với phương thức phân phối thông qua máy thiết bị đầu cuối.

c) Trường hợp khoản lợi nhuận còn lại sau thuế thu nhập doanh nghiệp nộp vào ngân sách địa phương theo quy định tại [khoản 1 Điều 6](#), Vietlott thực hiện kê khai tại trụ sở chính, phân bổ vào ngân sách địa phương theo tỷ lệ doanh thu thực tế phát sinh trên từng địa bàn tỉnh, thành phố.

Điều 6. Phân phối lợi nhuận

1. Việc phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện theo quy định về đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có). Đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được đầu tư đủ vốn điều lệ thì không được trích quỹ đầu tư phát triển.

2. Việc sử dụng các quỹ trích lập từ lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo quy định tại Nghị định quy định một số nội dung về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

3. Nghiêm cấm doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng lợi nhuận còn lại sau thuế và quỹ khen thưởng, phúc lợi của doanh nghiệp để chi thưởng hoặc hỗ trợ thêm hoa hồng đại lý vượt quá mức tối đa theo quy định pháp luật.

Điều 7. Đầu tư vốn ra bên ngoài của doanh nghiệp kinh doanh xổ số

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được đầu tư ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

Điều 8. Báo cáo tài chính, thống kê và các báo cáo khác

Doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp; báo cáo thống kê, báo cáo khác theo các quy định pháp luật liên quan áp dụng cho doanh nghiệp và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN CÓ LIÊN QUAN

Điều 9. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh xổ số

1. Tuân thủ quy định về cơ chế quản lý tài chính tại Nghị định này và các quy định về quản lý, sử dụng vốn, tài sản và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp nhà nước.

2. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với công tác tài chính của doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

1. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo phân công và theo quy định của pháp luật.

2. Kiểm tra, thanh tra, giám sát hoặc chỉ đạo các cơ quan có thẩm quyền tại địa phương thực hiện việc kiểm tra, thanh tra, giám sát toàn diện đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số trong việc chấp hành chế độ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật và Nghị định này.

Điều 11. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Hướng dẫn các nội dung được giao theo quy định tại [Nghị định này](#).

2. Thực hiện chức năng cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Vietlott theo phân công và theo quy định của pháp luật.

3. Đánh giá việc chấp hành chế độ, chính sách để hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy định về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

Đối với các doanh nghiệp kinh doanh xổ số có số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng cao hơn số dư tối đa được trích theo quy định tại Nghị định này, số chênh lệch được bổ sung vào thu nhập của doanh nghiệp kinh doanh xổ số tại năm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm 2026.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số; Sở Giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3. Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp kinh doanh xổ số và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ;
- Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính